

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 14- 01 - 2021

V/v tranh chấp: “Thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan.

Các Thẩm phán: + Ông Nguyễn Lê Huy;

+Bà Lâm Ngọc Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2020/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 88/2020/HNGĐ- ST ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 571/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Thùy L, sinh năm 1985. (có mặt)

Nơi cư trú: Số 491 ấp T, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

*** Bị đơn:** Anh Đoàn Minh Th, sinh năm 1980. (có mặt)

Nơi cư trú: Số 491 ấp T, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Anh T – Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Quỹ tín dụng nhân dân M, thành phố M- Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Hoàng H, chức vụ: Cán bộ tín dụng. (vắng mặt)

Địa chỉ: Quốc lộ 50, ấp T, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Ông Trần Văn T, sinh năm 1953. (vắng mặt)
 3. Bà Phan Thị L, sinh năm 1953. (vắng mặt)
- Cùng địa chỉ: ấp T, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn – Đoàn Minh Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo án sơ thẩm.*

Nguyên đơn chị Lê Thị Thùy L trình bày:

Chị L và anh Đoàn Minh Th quen biết và kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Th hay uống rượu, không quan tâm, chăm sóc vợ con, dẫn đến vợ chồng thường hay cự cãi nên tình cảm vợ chồng không còn. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Đoàn Minh Th.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Đoàn Thành Đ, sinh ngày 29/01/2016 và Đoàn Thành L, sinh ngày 16/3/2019 hiện đang sống cùng chị L. Chị Lê Thị Thùy L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu anh Đoàn Minh Th cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Quá trình tố tụng chị L không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung:

1. Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 23/12/2016, diện tích 107m², đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp P, xã Ph, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 23/12/2016, diện tích 27,6m², đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp P, xã Ph, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Một căn nhà tạm trị giá khoảng 40.000.000 đồng xây dựng trên đất của Chùa Ông tại địa chỉ ấp T, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang hiện do anh Th quản lý, sử dụng.

4. Một xe gắn máy hiệu Archanter, biển số K.

Chị Lê Thị Thùy L yêu cầu được nhận quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C và quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D.

Chị Lê Thị Thùy L đồng ý giao cho anh Đoàn Minh Th toàn quyền quản lý, sử dụng căn nhà tạm xây dựng trên đất của Chùa Ông và một xe gắn máy hiệu Archanter, biển số K.

- Về nợ chung: Nợ Quỹ tín dụng nhân dân T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang số tiền 17.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 315/GH/19/HĐTD ngày 17/5/2019.

Chị Lê Thị Thùy L đồng ý tự trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân T.

* *Bị đơn anh Đoàn Minh Th trình bày:* Anh thống nhất với phần trình bày của chị Lê Thị Thùy L về quá trình kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân giữa vợ chồng. Nay chị Lê Thị Thùy L yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Đoàn Thành Đ, sinh ngày 29/01/2016 và Đoàn Thành L, sinh ngày 16/3/2019 hiện đang sống cùng chị L. Nếu Tòa án cho ly hôn thì anh đồng ý giao cháu Đoàn Thành L cho chị Lê Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đoàn Minh Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đoàn Thành Đ, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Đoàn Minh Th và chị Lê Thị Thùy L có các tài sản chung gồm:

1. Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 23/12/2016, diện tích 107m², đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp P, xã Ph, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 23/12/2016, diện tích 27,6m², đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp P, xã Ph, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Một căn nhà tạm trị giá khoảng 40.000.000 đồng xây dựng trên đất của Chùa Ông tại địa chỉ ấp T, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang hiện do anh Th quản lý, sử dụng.

4. Một xe gắn máy hiệu Archanter, biển số K.

Anh Đoàn Minh Th đồng ý nhận một xe gắn máy hiệu Archanter, biển số K và một căn nhà tạm trị giá khoảng 40.000.000 đồng xây dựng trên đất của Chùa Ông tại địa chỉ ấp T, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang hiện do anh Th quản lý, sử dụng.

Đối với quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 23/12/2016, diện tích 107m², đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp P, xã Ph, thành phố M, tỉnh Tiền Giang và Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 23/12/2016, diện tích 27,6m², đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp P, xã Ph, thành phố M, tỉnh Tiền Giang thì anh Th yêu cầu chia đôi, anh Th yêu cầu được nhận bằng giá trị.

- Về nợ chung: Nợ Quỹ tín dụng nhân dân T 17.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 315/GH/19/HĐTD ngày 17/5/2019.

Khoản tiền vay Quỹ tín dụng nhân dân T chưa đến hạn thanh toán. Anh Đoàn Minh Th yêu cầu chị Lê Thị Thùy L thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân T cho đến khi thanh toán xong.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày: Phần đất xây căn nhà tạm tại ấp T, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang mà chị L và anh Th tranh chấp là đất của Chùa Ông chứ không phải đất của ông và bà L. Ông và bà L chỉ là người được Chùa Ông giao đất nhận cho Chùa Ông và trông coi phần đất này chứ không phải là chủ đất. Bà L đã chết vào tháng 8/2019.

Quỹ tín dụng nhân dân xã M vắng mặt không lý do.

*Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 88/2020/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thùy L.

-Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thùy L được ly hôn với anh Đoàn Minh Th.

- Về con chung: Giao chị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Đoàn Thành Đ, sinh ngày 29/01/2016 và Đoàn Thành L, sinh ngày 16/3/2019.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L chưa có yêu cầu.

Anh Đoàn Minh Th được quyền đến thăm con, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2) Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của chị Lê Thị Thùy L.

Ngoài ra bản án có tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 25/8/2020, bị đơn Đoàn Minh Th có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc giải quyết:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

2. Nếu tòa chấp nhận cho ly hôn thì anh Th yêu cầu được nuôi 01 con chung tên Đoàn Thành Đ và yêu cầu chia tài sản chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn anh Th vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, 02 bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đưa ra nhiều lập luận biện hộ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, cuối cùng luật sư đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, nếu tòa chấp nhận cho ly hôn thì giao cho anh Th nuôi cháu Đ, chị L nuôi cháu L, nếu để 02 cháu cho chị L nuôi và chị L còn 01 con riêng không đủ khả năng nuôi các cháu.

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về nội dung kháng cáo: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đoàn Minh Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Ly hôn”; thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

2.1 Về kháng cáo xin được đoàn tụ: Chị Lê Thị Thùy L và anh Đoàn Minh Th chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang nên hôn nhân giữa chị L và anh Th là hợp pháp. Quá trình chung sống, chị L và anh Th trình bày thống nhất thời gian đầu hôn nhân giữa chị L và anh Th chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Th đi làm hay uống rượu, không quan tâm chăm sóc vợ con dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường hay cãi vã, cố duy trì nhưng không có kết quả dẫn đến tình cảm không còn, năm 2019 chị L có đơn xin ly hôn nhưng sau đó chị có đơn xin rút yêu cầu xin ly hôn để có thời gian anh Th khắc phục khuyết điểm hàn gắn hôn nhân nhưng anh Th vẫn không thay đổi do đó hôn nhân giữa chị L và anh Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L

là có căn cứ. Anh Th kháng cáo nhưng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin đoàn tụ của anh Th.

2.2 Về yêu cầu nuôi con chung: Chị L và anh Th có 02 con chung tên Đoàn Thành Đ, sinh ngày 29/01/2016 và Đoàn Thành L, sinh ngày 16/3/2019 hiện đang sống cùng chị L. Anh Th yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Đoàn Thành Đ đồng ý để chị L trực tiếp nuôi cháu Đoàn Thành L. Xét thấy từ khi chị L và anh Th ly thân đến nay chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Hiện cháu Đ và cháu L đều còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của mẹ và để không làm sáo trộn cuộc sống sinh hoạt bình thường, tâm sinh lý của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Đ và cháu L cho chị L tiếp tục là người trực tiếp nuôi dưỡng nên không chấp nhận yêu cầu này của anh Th.

2.3 Về yêu cầu chia tài sản chung:

Xét thấy ngày 20/6/2020 chị L có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung. Anh Th đồng ý tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết và về nợ chung đã thanh toán xong cho Quỹ tín dụng nhân dân xã M, không yêu cầu Tòa án giải quyết tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của chị L. Để đảm bảo hai cấp xét xử Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét xét yêu cầu chia tài sản chung của anh Th. Anh Th có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn bằng một vụ kiện khác.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn, Hội đồng xét xử có xem xét khi nghị án.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu của anh Th không được chấp nhận nên anh Th phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thùy L.

-Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thùy L được ly hôn với anh Đoàn Minh Th.

-Về con chung: Giao chị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Đoàn Thành Đ, sinh ngày 29/01/2016 và Đoàn Thành L, sinh ngày 16/3/2019.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L chưa có yêu cầu.

Anh Đoàn Minh Th được quyền đến thăm con, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2) Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của chị Lê Thị Thùy L.

3) Về án phí: Chị Lê Thị Thùy L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị L đã nộp 4.550.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001131 ngày 19/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố M nên được hoàn lại 4.250.000 đồng.

Anh Đoàn Minh Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001919 ngày 25/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, Anh Th đã nộp xong án phí.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện G;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS tp M;
- Đường sự;
- UBND xã M, tp M;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Ngoan